

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP  
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

---

Kinh Phúng Tụng (Sangiti Sutta) 4

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[18/08/2022 - 09:54 - buithibuukim]

KINH PHÚNG TỤNG 4 ( DN. 54 – Sangiti sutta)

Vừa rồi chúng ta học Vô tâm- Vô úy. Bây giờ Tâm – Úy thì hiểu ngược lại.

Vô tâm vô úy là không biết thẹn và không biết sợ với bất thiện lớn nhỏ. Bất thiện nhỏ là những suy nghĩ không lành, những suy nghĩ bất chánh thoáng qua trong đầu của mình. Bất thiện lớn là những bất thiện ra tới thân nghiệp, khẩu nghiệp; những suy nghĩ bất thiện kéo dài một phút, hai phút, một giờ hai giờ, một ngày hai ngày, tức thời gian lâu hơn mà hoạt động của nó cũng nhiều hơn, để lại nhiều ảnh hưởng hơn.

Thí dụ, đối với một người tu, những ý nghĩ tham niệm, sân niệm nổi lên thì đó là những suy nghĩ không nên có. Thí dụ mình có ý thích cái gì đó phi nghĩa, tự nhiên lúc đó chực nhớ mình là người biết Đạo thì không thể thích như vậy được. Nếu người khác biết mình có suy nghĩ này thì có kỳ lắm không, người ta sẽ như thế nào. Đó gọi là Tâm. Chẳng hạn có mấy người ngồi trước mặt, mình liếc thấy họ có cái đồng hồ tốt quá. Mình nghĩ bụng có bao giờ họ cho mình cái đồng hồ đó hay không. Ngay sau cái suy nghĩ đó mình cũng thấy thẹn, bởi hoàn toàn không có lý do gì mình đi thích vật không thuộc về mình hết.

Trong chú giải có nói, một lần bà Da Du đà La (kiếp trước) bả đứng trên lầu chỉ nhìn thấy người em chồng, tiền thân ngài Nanda. Kiếp đó ngài Nanda rất khôi vĩ tuấn tú, là Phó vương một nước. Bà Da Du kiếp đó là hoàng hậu, vợ của Bồ tát, quốc vương đương nhiệm. Xứ đó là Kalinga, nhà nhà người người đều tu tập giữ giới. Có một lần bà Da Du đứng trên lầu nhìn thấy vị phó vương em chồng mình đi bên dưới đường, khôi vĩ tuấn tú, bả thoáng có một ý nghĩ: “Nếu người này làm chồng mình thì cũng không tệ”. Bả nghĩ vậy lập tức bả có tâm úy liên. Bả biết suy nghĩ này là không nên: “ Nếu chồng mình biết được suy nghĩ này, nếu ông phó vương em chồng mà biết được suy nghĩ này, nếu tam cung lục viện biết được suy nghĩ này, nếu mọi người trong đất nước này mà biết được suy nghĩ này của mình thì mặt mũi mình giấu vào đâu!”.

Kinh cũng nói thêm một trong những đặc điểm của vị tu đà hườn là ngoài chắm dứt thân kiến ra, ngài không còn bòn xén, ganh tị, không còn hành xử thiên vị. Nhưng có một chuyện mà người học A tỳ đàm không học tạng Kinh không biết. Đó là vị tu đà hườn còn tham còn sân nhưng tham sân của vị đó vĩnh viễn không còn đủ để vị đó phạm bất cứ giới phẩm nào mà mình đã thọ trì. Thí dụ họ là cư sĩ, họ có thể có vợ/chồng nhưng dầu chết họ không phạm ngũ giới. Nếu họ là cư sĩ, ngày nào họ thọ Bát quan thì dầu chết họ không phạm Bát quan. Còn vị Tu đà hườn khi đã thọ giới Sa di thì chết cũng không mất giới Sa di. Khi đã thọ giới Tỳ kheo thì dầu chết cũng không mất giới tỳ kheo. Khi đã nguyện thọ đầu đà thì dầu chết cũng không phạm pháp đầu đà mình đã nguyện. Nói chung, vị Tu đà hườn cũng còn tham còn sân nhưng đạo lực của họ đủ mạnh để họ giữ bất cứ gì họ đã

nguyên. Điều rớt ráo là cái Tâm – Úy của vị Tu đà hườn (Sơ quả) khác mình ở chỗ vị đó không giấu diếm bất cứ lỗi gì.

Có hai lý do vị Tu đà hườn không giấu diếm lỗi lầm, có gì cũng đem xưng thú đầy đủ. (Xưng thú : xưng tội thú tội):

- Không còn thân kiến nên không xem mặt mũi của mình quan trọng hơn Đạo (chánh Pháp = Tam bảo).

- Vì không còn lỗi lầm nào đáng kể nên có xưng thú cũng dễ dàng.

Còn phàm phu mình có hai lý do mà không xưng thú được:

- Thân kiến mình nguyên xi không mẻ một gram nên thấy mặt mũi mình lớn hơn Đạo. Có ba hạng người:

- Attadhipateyya: lấy mình làm trọng.

- Lokadhipateyya: lấy tiếng đời làm trọng.

- Dhammadhipateyya: lấy Pháp làm trọng.

Hạng người lấy buồn, vui, cảm xúc cá nhân mình làm nguồn động lực chính hành động. Thí dụ cái đó tôi muốn tôi mới làm chớ thiện ác không quan trọng; dư luận không quan trọng; quả báo đời này kiếp sau không quan trọng. Quan trọng là tại vì tôi thích, tôi muốn, vì việc đó làm tôi vui, vì việc đó đem lại quyền lợi cho tôi. Chữ TÔI được tô đậm. Đó là loại người lấy mình làm trọng – attadhipateyya.

Hạng thứ hai, lokadhipateyya lấy tiếng đời làm trọng, thì tốt xấu thiện ác không quan trọng; mình thích hay không thích không quan trọng, mà quan trọng là tiếng đời, quan điểm xã hội, quan điểm thiên hạ, dư luận trong đời. Tức lúc nào cũng dựa vào thiên hạ mà hành động.

Hạng thứ ba, Dhammadhipateyya, lấy Pháp làm trọng. Hạng này khó. Cảm xúc bản thân không quan trọng; dư luận, tiếng đời không quan trọng; mà quan trọng là cái đó có đúng với Đạo hay không, nó đúng với tinh thần Chánh Pháp hay không. Vị Tu đà hườn khi không còn thân kiến thì 100% người ta sống theo kiểu thứ ba này: lấy Pháp làm trọng.

Tâm – Úy thì được hiểu ngược lại với Vô tâm – Vô úy, là lấy Pháp làm trọng, mặt mũi mình không quan trọng.

Như tôi đã nói nhiều lần, người tu nên tự trọng mà không nên tự ái. Nên tự trọng là mình làm cái gì thì cũng không để người khác coi thường mình, không để bản thân coi thường mình. Ta không thể khiến thiên hạ thương yêu ta nhưng ta có thể khiến thiên hạ không xem thường ta. Như đức Phật hay ngài Xá Lợi Phất, hoặc các A la hán... không thể làm tất cả chúng sanh thương ngài. Đó là chuyện bất khả thi, chuyện dứt khoát không thể có. Nhưng phải nói kể từ khi chứng thánh các ngài không làm bất cứ gì để người khác coi thường, trừ phi do hiểu lầm.

Trong Kinh kể có rất nhiều vị A la hán tinh ý, thói quen nhiều đời làm gì cũng ngó trước trông sau. Nhưng có nhiều vị chỉ cần mình sạch thôi, ai nghĩ sao cũng được, Chú giải nói đó là do thói quen sinh hoạt. Tàu có câu: “Qua điền bất chỉnh lý; lý hạ bất chỉnh quan”, (đi ngang ruộng dưa không sửa giày; đi ngang vườn lê không sửa nón – ‘qua’= dưa; ‘lý’= lê).

Trong Kinh kể ngài Anuruddha, đệ nhất thiên nhãn có lần cần chỗ qua đêm. Lúc đó Đức Phật chưa quy định cấm, thì Phật tử thỉnh ngài nghỉ đêm ở nhà của họ, chung một mái che. Theo Luật thì tỳ kheo không được một mình ở chung một mái che với phụ nữ qua đêm, dầu đó là cái villa to cách mấy. Tức phải có ba người trở lên, chớ không thể một nam một nữ trong một mái che qua đêm là không được. Thực ra cô đó là một danh kỹ. Ban đêm cô đó hơi có ý tà, cô mon men xuống hỏi thăm ngài có dùng, có muốn này kia không. Lúc đó ngài biết, dĩ nhiên ngài là A la hán không có sao hết, nhưng sau đó vĩnh viễn ngài không bao giờ trở lại nơi đó nữa.

**ÁC NGÔN – ÁC HỮU**

Có một nhầm lẫn rất lớn ở đây.

Dovacassa = dubbaca = lì lợm, ngoan cố, khó dạy.

Nhưng trong hầu hết bản Hán dịch đều dịch sát sù là ‘ác ngôn’ (vì ‘du’ = xấu + baca = ngôn, tiếng nói => nên dịch ‘dubbaca’ = ác ngôn).

Trong khi dubbaca và dovacasa phải dịch đúng là ‘khó dạy’.

“Dovacassatati dukkham vaco etasmim vippatikulagahimhi vipaccanikasate anadare puggaleti dubbaco, tassa kammam dovacassam, tassa bhavadovacassata. Vittharato panesa “tattha katama dovacassata? Sahadhammike vuccamene dovacassaya” nti (dha. Sa. 1332)”

Thê nào là ‘dovacassata’? – Nói theo chi pháp A tỳ đàm thì ‘khó dạy’ đây là vấn đề tâm lý: sankharakhandho = hành uẩn, tức vấn đề tâm lý, sự không chấp nhận lời hướng dẫn đúng Pháp:

“Sahadhammike vuccamane dovacassata”. Có nghĩa là sự bất tuân, sự không chấp nhận.

Chữ ‘sahadhammike’ có hai nghĩa: là lời nói hợp Pháp, đúng Pháp, hoặc ‘bạn đồng tu’.

Nghĩa là dầu bạn tu của mình mà họ nói gì mình cũng không nghe. Hoặc dầu được người ta nói đúng pháp thì mình cũng không nghe. Trong Chú giải còn giải thích rõ thêm: ‘khó dạy’ đây không chỉ nói riêng thái độ mà mình nhìn thấy bằng mắt thôi; mà ‘khó dạy’ đây là trạng thái, là tình trạng, vấn đề tâm lý.

Trong room các vị học A tỳ đàm còn nhớ 6 cặp tâm sở tịnh hảo biến hành? – Sáu cặp là : chánh thân, chánh tâm, thuần thân, thuần tâm, nhu thân, nhu tâm.

Chữ ‘kaya’ tra tự điển là ‘thân’, nhưng trong trường hợp này không phải vậy.

Lahuta = sự nhẹ nhàng

Muduta = sự mềm mỏng, nhu nhuyễn.

Chữ ‘kaya’ đây không phải chỉ body (thân) mà ám chỉ cho thọ, tưởng, hành uẩn. Chữ ‘citta’ chỉ cho thức uẩn.

(Kayalahuta cittalahuta kaymuduta cittamudutakaya).

Sáu tâm sở biến hành là gì? – Bữa hôm tôi có giảng, được gọi là tâm (mind, consciousness, thức, hay ý,...) nó chỉ gồm có ba thành phần:

\* bare knowing + 13 tâm sở (7 bắt buộc, 6 tùy lúc) + 14 tâm sở xấu = tâm ác.

\* bare knowing + 13 tâm sở + 25 tâm (6 bắt buộc) = tâm lành.

Trong đó, quan trọng là cái bare knowing là cái biết đơn giản của tâm + 13 + 25 (trong 25 có 6 cái bắt buộc. 6 bắt buộc này có nghĩa dầu tâm thiện nào đi nữa cũng phải có 6 cặp bắt buộc).

(6 cặp bắt buộc = 12 tâm sở).

Tôi nhắc lại, tâm thiện nào cũng phải có 6 cặp này. Còn những tâm sở tịnh hảo ngoài ra thì tùy lúc. Có những tâm sở có trí, có những tâm sở không có trí. Có những tâm sở có giới phần, có những tâm sở không có giới phần. Có tâm sở có vô lượng phần, có tâm sở không có vô lượng phần. Thí dụ giò mình muốn giữ giới thì bắt buộc phải có tâm sở giới phần. Muốn thương yêu chúng sinh thì phải có tâm sở vô lượng phần.

Trong các tâm sở làm nên tâm thiện thì có 6 cặp gọi là 6 cặp bắt buộc. Đó là 6 khía cạnh tâm lý bắt buộc phải có để làm nên một tâm thiện:

- Khía cạnh 1 – Passaddhi: Tịnh thân tịnh tâm: khía cạnh lắng đọng không có xôn xao, lãng xăng. Chính đây là khía cạnh của tâm thiện.

- Khía cạnh 2 – Muduta = mềm, nhu nhuyễn, không cứng cõi.

- Khía cạnh 3 – Lahuta = nhẹ nhàng.

Những khía cạnh này chống lại những khía cạnh ngược lại trong tâm ác. Tất cả tâm ác, xấu dầu tham dầu sân, si nó đều nặng nề, cứng cõi, bất kham bất tuân. Nhưng tâm thiện thì dầu thiện nào đi nữa nó cũng có khía cạnh nhu nhuyễn, nhẹ nhàng.

Pagunnata = khả năng thuần thực.

Tôi nhắc lại ‘thiện’ trong A tỳ đàm không phải ‘lành’, mà là ‘khéo’. Tâm thiện là tâm khéo. Ai cũng trốn khổ tìm vui, mà hễ mình trốn khổ tìm vui bằng tâm thiện là đúng, là khéo. Còn trốn khổ tìm vui bằng cách sống bằng tham bằng sân, đó gọi là không khéo, là vụng, là pháp bất thiện.

Thì pagunnata đây là khả năng thuần thực. Chú giải nói dầu các vị tu hành hay không tu mà làm chuyện gì phức tạp nó chi li, các vị cần phải dùng tâm thiện. Nhớ nghe, cái này quan trọng lắm!

Tâm thiện là điều kiện bắt buộc khi ta làm việc lành hay công việc nào đó phức tạp chi li cần đến niệm, định, tuệ. Đó là lý do vì sao tâm thiện được gọi là ‘kusala’, tiếng Mỹ dịch là ‘skill’. CHỮ KUSALA KHÔNG PHẢI LÀ GOOD, LÀ WELL, FINE, MÀ LÀ SKILL. Rất quan trọng, nhớ cái này! Rất nhiều người học A tỳ đàm không hiểu cái này, cứ tưởng thiện là lành, là đạo đức. Khi nào anh muốn làm việc lành, việc giúp người, việc đem lại lợi ích cho mình cho người thì anh phải có

điều kiện tâm lý thích hợp. Thì điều kiện tâm lý đó gồm tâm sở tịnh hảo mà trong đó có 6 cặp bắt buộc: tĩnh, khinh, nhu, thích, thuận, chánh.

Tĩnh: sự lắng đọng.

Khinh: sự nhẹ nhàng.

Nhu: sự mềm mòng.

Thích: sự tương ứng, khả năng linh hoạt.

Thuần: khả năng thuần thực.

Chánh: khả năng thẳng hàng, không cong queo, không khuất lấp quanh co.

Tĩnh, khinh, nhu, thích, thuận, chánh là 6 khía cạnh bắt buộc phải có trong mỗi tâm thiện. Còn những khía cạnh khác thì lúc có lúc không, bla bla bla ...

Vậy ở đây thế nào gọi là ‘cứng đầu’? – Dovacassata ở đây là sự vắng mặt của 6 tâm sở này.

Dubbaca = dovacassata = cứng đầu, khó dạy

Nhớ nghe, đây là chuyện rất quan trọng. Tại sao ngài Xá Lợi Phất đem hai cái này ra nói ở đây? – Bởi vì mình không học giáo lý thì thấy hai cái này nó thường. Thực ra, HAI PHÁP NÀY ĐÃ TẠO NÊN DÒNG LUÂN HỒI CHO CHÚNG SINH. Rất là kinh khủng!

Có nghĩa cứng đầu và chơi bạn xấu là hai pháp tạo luân hồi cho chúng sanh, chớ không phải khơi khơi mà ngài Xá Lợi Phất nhắc cái này.

- ‘Cứng đầu’ là không chấp nhận lời dạy của người trí, của bạn lành, của minh sư thiện hữu.

- Còn ‘chơi bạn xấu’ ở đây là đi theo ác đảng của kẻ thiếu 5 thiện pháp căn bản. Đó là :

\* Asaddha: không chánh tín, hoặc thiếu niềm tin trong chánh pháp. Cái này vô cùng quan trọng. Tôi đã gặp rất nhiều người. Người không tin trời đất không phải là Phật tử, không phải là tăng ni thì tôi không nói. Nhưng tôi đã tận mắt thấy những người nói là thờ Phật nhưng không có đức tin. Khi họ nghe nói đến pháp lành nào đó họ rất dửng dưng. Họ bị chứng gọi là mental AIDS (Sida tâm lý). Có nghĩa họ bị mất khả năng miễn nhiễm. Nói về đạo họ nói được, thậm chí nói họ hiểu, và họ giảng người khác nghe được. Nhưng niềm tin của họ bị chai, bị chết, bị sượng, không còn work nữa. Họ coi đạo như yoga, khí công, biết được thì tốt không thì thôi chớ không có gì có thể làm họ khác đi.

\* Dussila: không giới hạnh.

\* Appassuta : không tha thiết học đạo.

\* Maccharino: bủn xỉn, sợ bị mất quyền sở hữu trong từng món lớn nhỏ.

\* Dopanna: thiếu chánh kiến, thiếu trí tuệ trong nghiệp lý và Tứ đế. Mặc dù chỉ có thánh nhân mới chứng ngộ Bốn đế rốt ráo, nhưng phàm phu có học Đạo thì cũng có thể hiểu được Bốn đế qua trí Văn và Tư.

Chú giải nói bạn xấu là như vậy. Là những người thiếu 5 cái: thiếu đức tin, thiếu giới, thiếu văn (kiến thức giáo lý), bủn xỉn và ác tuệ. Người nào bản thân thiếu cái này cũng là bạn xấu. Nếu tuyên truyền để người khác cũng như mình thì xấu càng xấu, nguy càng nguy.

Tôi nhắc lại. Ngài Xá Lợi Phất ở đây chỉ nói đến hai cái này, mình nghĩ là ngài nói đến hai thói xấu trong đời. Nhưng không, Ngài đang nói đến hai pháp tạo nên dòng luân hồi của mình: 1- Cứng đầu đối với minh sư thiện hữu. 2- Chạy theo bạn xấu.

THIỆN NGÔN – THIÊN HỮU

Sovacasata = sự dễ dạy.

Dễ dạy đây là khả năng nhận diện và đón nhận minh sư thiện hữu

Kalyanamittata = có bạn lành, khả năng lựa bạn mà chơi.

kalya: tốt, hay – janapadakalyani: hoa hậu, miss (janapada: country + kalyani: người đẹp – kalyalana: đẹp người hoặc đẹp nét. Trong ‘kalyanamittata’ ở đây là ‘đẹp nét’.

Như vậy, có hai pháp để tạo con đường giác ngộ giải thoát cho mình. Nếu ngày nào chưa chứng thánh thì cũng nhờ hai pháp này mà dòng luân hồi tương đối tron tru, mịn mát dễ chịu.

Đó là khả năng dễ dạy (chớ không phải dễ dụ). DỄ DẠY LÀ KHẢ NĂNG NHẬN DIỆN BẠN LÀNH ĐỂ LẮNG NGHE. Khi có khả năng nhận diện bạn lành, minh sư thiện hữu rồi thì phải có khả năng lắng nghe. Phải biết quên cái tôi để tôn trọng người khác. Phải biết vượt qua cái tôi trên cái biết cũ để biết được cái mới.

## NHẬP TỘI THIỆN XẢO – XUẤT TỘI THIỆN XẢO

1- Apattikusalata = nhập tội thiện xảo

Apattivutthanakusalata = xuất tội thiện xảo

‘Apatti’ từ ngữ căn ‘Paj’ = vào, dự, để vô (entry)

=> Sotapatti = dự lưu = bước vào dòng chảy thánh nhân (dự lưu, sơ quả, tu đà hườn, thất lai).

Samapatti = định = sự chìm sâu vào cảnh đề mục bằng tâm thiền.

Apatti = sự vi phạm, phạm luật, phạm giới.

Vậy ‘nhập tội thiện xảo’ là biết rõ trường hợp nào bị xem là phạm giới, phạm ác để ngăn trừ. (Phạm giới là vi phạm điều cấm, phạm ác là vi phạm vào cái bất thiện).

Thí dụ đó là việc nên làm thì mình phải làm. Nhưng mình làm theo cách A nó tốt hơn cách B, vì cách B có thể để lại những hệ lụy không được hay. Khi mình biết rõ như vậy được gọi là nhập tội thiện xảo. Tức tuy nó không phạm giới nhưng nó phạm ác. Hoặc trách nhiệm tội là quét chùa, chùi cầu, lau nhà là chuyện nên làm, nhưng làm giờ đó hơi sớm, tội tránh tội không để om sòm, để mấy vị khác có thể thiền định được. Trong trường hợp đó tội biết rõ là đúng. Vì chuyện dọn dẹp là đúng nhưng mình gây nên tiếng ồn hoặc đổ nước có thể làm các vị trượt té, chuyện đó không phạm giới mà là phạm ác. Hoặc thí dụ như tôi dạy học, Phật tử mời nghỉ đêm tại đây cho tiện khỏi đi đâu xa. Nhưng vì trong nhà chỉ có một nữ và tôi, nếu tôi là người trong sạch thì tôi từ chối, ở lại sẽ không nên. Những trường hợp đó được gọi là apattikusalata, nhập tội thiện xảo là vậy.

Chữ ‘nhập tội’ do dịch sát chữ ‘apatti’ (chữ apatti = tội, cũng có nghĩa ‘nhập’). Thực ra apatti là biết rõ, còn kusalata là rành rẽ, thông suốt, lão luyện. Tức biết rõ trường hợp nào là phạm luật, là phạm ác. Nghe qua thì không có gì. Nhưng khả năng này là toàn bộ đời sống và cuộc tu của mỗi người. KHI SẮP LÀM GÌ, NÓI GÌ, NGHĨ GÌ THÌ CŨNG PHẢI TỰ CÓ KHẢ NĂNG BIẾT RÕ CHUYỆN ĐÓ NÊN HAY KHÔNG. Coi nó là phạm giới hay phạm ác.

Ở đây vị tỷ kheo biết rõ mình làm cái này nó có phải phạm giới hay không, nặng hay nhẹ. Đối với hàng xuất gia thì phải biết rõ các nhóm tội, đây thuộc về tội nặng nhẹ thế nào, baladi hay tangtan hay ung xa. Có vô số trường hợp trong Kinh gọi là methunasamyoga, gồm 7 điều. Tuy mình không trực tiếp quan hệ với họ, nhưng có những sự qua lại cũng kể là những điều không nên. Thí dụ mấy cái lớn như mình không nắm tay nắm chân, không lên giường ngủ với người ta nhưng mấy cái nhỏ nhỏ như email, alo, chit chat hoài, những trường hợp đó cũng là không được. Nếu một lòng tâm tu thì đây là những chuyện không nên. Biết rõ như vậy gọi là apattikusalata (Nhập tội thiện xảo).

2- Apattivutthanakusalata = xuất tội thiện xảo: là biết rõ phải làm gì sau khi phạm luật, phạm ác.

Điều thứ nhất là mình biết để phòng thân, không để cho phạm luật phạm ác. Nhưng giờ nếu lỡ phạm rồi thì mình phải biết làm gì để mình không tiếp tục sống trong tình trạng đó nữa.

Cách phục hồi thanh tịnh ở mỗi trường hợp phạm luật không giống nhau.

Nói gọn lại cho cư sĩ về hai điều này: Biết rõ điều nào là không nên làm và khi đã dĩ lỡ thì ta phải làm sao để thanh tịnh trở lại và không áy náy ray rứt. Có nhiều cách:

- Xung thú để sám hối: đi đến nói huych tẹt ra với thầy, bạn.

- Chịu phạt.

- Khắc phục hậu quả.

- Làm ngay một thiện sự đối xứng. Thí dụ hôm qua mình cuốc đất làm chết một con rắn, một ổ kiến, nói chung là sát sanh. Thì bây giờ áy náy quá mình mua cái gì để phóng sanh. Thiệp nghiệp không thể bù trừ cho ác nghiệp nhưng ít ra về mặt tâm lý ta làm ngay một thiện sự đối xứng cũng giúp ta gỡ rối một ít.

## ĐẲNG CHÍ THIỆN XẢO – XUẤT KHỎI ĐẲNG CHÍ THIỆN XẢO

(Rành rẽ trong việc nhập định và xuất định)

Nói “Đẳng chí thiện xảo, xuất khỏi đẳng chí thiện xảo” là do dịch chữ ‘sama’ = ‘đẳng’. Thực ra ‘samapatti’ là ‘định’.

Có nhiều cách để phân loại các tầng thiền định. Thay vì kể dài dòng 4 tầng thiền sắc giới, 4 tầng vô sắc giới, ở đây là cách đơn giản nhất là kể định có ba:

- Định có Tâm, Tứ.

- Định không Tâm, có Tứ.

- Định không Tâm không Tứ.

TÂM (vitakka) là sự hướng tâm đến cảnh. TỨ (vicara) là sự quan sát đối tượng. Cảnh đề mục còn thô thì còn cần đến hai khía cạnh tâm lý này. Ở tầng Sơ thiền, hành giả còn cần đến tâm và tứ. Ở tầng Nhị thiền thì bỏ bớt tâm. Các tầng cao hơn thì tâm vi tế hơn, định mạnh hơn nên không cần đến hai khía cạnh tâm lý này nữa.

Thí dụ chỗ mình không rành thì ban đêm mình phải dò từng bước. Còn chỗ rành rồi, thí dụ ban đêm ra hè hái rau mình nhớ rõ từng chỗ không cần mở đèn cũng có thể bước ra hái rau mà không phải dò dẫm nữa. Tâm – tứ cũng hiểu nôm na như vậy. Khi tâm mình chưa vững, chưa thuần thục trong cảnh thiền thì mình cần đến tâm đến tứ. Khi tâm thuần thục thì từ tầng thứ nhất còn cần cả tâm, tứ. Tầng thứ hai chỉ cần Tứ, không cần Tâm. Tầng ba trở đi không cần Tâm Tứ nữa, chỉ còn hỷ, lạc, định. Đến tầng tư thì bỏ hỷ, nghĩa là không còn khổ nữa (vì hỷ lạc ở đâu thì khổ ưu ở đó), mà tầng 4 chỉ còn xả.

Ngày xưa tôi không hiểu lắm, nhưng giờ tôi rất tâm đắc cách ở đây kể thiền chia thành ba như này: một, là còn cần đến tâm và tứ. Ở tầng hai là không tâm chỉ còn tứ. Ở tầng ba thì không còn tâm và tứ nữa khi tâm đã an trụ vào cảnh đề mục rồi thì không cần sự dò dẫm ban đầu nữa. Chỉ vậy thôi.

Hành giả biết rõ cách nhập thiền, cách xuất thiền thì được gọi là một sự thiện xảo = apattikusalata và apattivutthanakusalata.

Chú giải nói thiền Chỉ có 5 pháp ‘vasi’, là 5 khả năng tự tại của hành giả đắc thiền. Đó là xuất nhập tự tại (xuất tự tại + nhập tự tại), trụ thiền tự tại.

Kinh nói không phải ai đắc thiền cũng chứng thông, cũng có thể hóa thông. Không phải ai hóa thông cũng cùng tốc độ như nhau, và không phải ai hóa thông cũng có hiệu quả như nhau. Chẳng hạn vào thời Đức Phật cũng có một vị là Sunakkhatta đắc ngũ thiền sắc giới nhưng chỉ đắc thiền nhãn thôi. Tu hoài vẫn không cách gì đắc thiên nhĩ được. Vì tiền nghiệp vị đó đã từng búng sạn vô lỗ tai làm chết một vị Phật độc giác. Do nghiệp giết chết một vị Độc giác mà vị đó chết đọa địa ngục trở lên đời đời bị điếc, giờ tu hoài mà không cách gì đắc thiên nhĩ được.

Cũng như không phải ai đắc thiền cũng có thể đắc thông, hoặc chứng luyện thần thông được. Và cũng không phải ai chứng thông rồi cũng có khả năng hóa hiện nhanh như nhau. Trong Kinh nói chẳng hạn như ngài Mục Kiền Liên, trong tích tặc ngài có thể xuất và nhập, vô ra vô ra không biết bao nhiêu đề mục mà nói. Chúng ta biết đề mục thiền chỉ để hóa thông có 10: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng. Muốn tạo bóng tối thì vị đó dùng đề mục màu xanh. Muốn tạo ánh sáng dùng đề mục màu trắng. Muốn đi xuyên tường xuyên vách phải dùng đề mục hư không. Muốn độn thổ hoặc làm rung động cái gì đó phải sử dụng đề mục nước. Tất cả cái này phải biết để khi cần ứng phó người ta biết phải vô đề mục gì, vô bao lâu, rồi ra để vô đề mục khác.

Samapatti là bước vào, là phó tâm vào cảnh đề mục (phó: gởi, ký thác). Samapatti là gởi tâm vào cảnh đề mục. Còn thần thông từ chữ ‘iddhi’ là ý muốn, từ ngữ căn ‘ijh’ là muốn.

Chữ ‘thần thông’ vốn dĩ không phải của đạo Phật, mà do mấy nhà Hán dịch lấy chữ này của Đạo giáo, Lão giáo. (Thần thông là sự liên thông với thần thánh trên trời, với tiên, với Thái thượng lão quân, Diêu Trì nương nương).

Như vậy, hành giả phải biết rõ có bao nhiêu loại định, có bao nhiêu loại đề mục, đề mục nào dẫn đến loại thần thông nào. Sau cùng phải có khả năng xuất nhập tự tại. Và thời gian trụ thiền là bao lâu vị đó muốn. Chú giải cũng nói rõ khả năng trụ thiền của mỗi vị không giống nhau, có vị tự tại, có vị không tự tại. Có vị tuy đắc thiên nhưng chỉ vì một chút bận tâm mà không nhập thiền được, tức vị đó không được thiện xảo.

Như trong Kinh kể có hai thầy trò nhập hạ trong rừng. Trong rừng đó đã từng có một vị nhập hạ trước họ đi còn để lại mỗi cái cọc lá nhỏ xíu. Hai thầy trò đến có cái cọc nhỏ thì ông học trò nhường cái am cho sư phụ, còn mình ra ngồi gốc cây. Cả hai thầy trò đều đắc thiên hết. Suốt mùa an cư đó, ban ngày người học trò đi bát ở làng chung với sư phụ, về dọn dẹp giúp sư phụ xong nhảy ra gốc cây ngồi nhập định. Trong khi đó, sư phụ ngồi trong cọc mà nghĩ bụng: ‘Trời đất ơi, nó không cha không mẹ, nó coi mình là bầu trời, là tất cả. Nó đi với mình một thầy một trò vô trong đây. Mình trong đây thì êm ấm, kín khuất gió mưa, còn nó không cha mẹ người thân, nó thương nó quý mình biết chừng nào. Mà bây giờ nó ngồi gốc cây không biết nó có lạnh hay không, rồi muỗi mòng, rấn

rít...”. Ông cứ ngồi trong cốc mà nhớ tới nó suốt ba tháng hạ như vậy. Lâu lâu mới nhập được một chút. Cuối cùng ra hạ học trò hỏi “ Sư phụ có vui không, sư phụ có an lạc không”. Sư phụ nói an lạc thì có nhưng sư phụ nghĩ tới con mà nhập định không được!  
Đó, nếu mà không giải thích như này giờ mà bà con đọc hiểu được tôi chết liền: đăng chí thiện xảo và xuất khỏi đăng chí thiện xảo!!!  
Quá giờ rồi. Hẹn gặp lại ngày mai. Chúc các vị một ngày vui./.

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP  
CHƯA ĐƯỢC SƯ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

---

[www.toaikhanh.com](http://www.toaikhanh.com)